

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TBV22B3** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH04211** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Sinh lý thực vật - Giống CT**
Số tín chỉ: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2256201161368	Huỳnh Trung Nghĩa	03/08/2007				7	6.0	6.0	6.4		4.5		5.2
2	2256201161369	Nguyễn Trọng Nghĩa	05/12/2007				10	8.0	7.0	7.0		7.0		7.3
3	2256201161370	Huỳnh Chí Nhân	07/02/2007				8	7.0	6.0	7.0		4.5		5.4
4	2256201161371	Dương Phương Nhu	12/03/2007				8	7.0	6.0	7.0		5.5		6.0
5	2256201161372	Nguyễn Thị Huỳnh Như	22/05/2007				8	6.0	7.0	7.1		0.0	0.0	2.8
6	2256201161373	Phạm Thị Quỳnh Như	30/03/2007				8	6.0	7.0	6.4		4.0		5.1
7	2256201161374	Nguyễn Tấn Phát	02/07/2007				8	7.0	7.0	7.1		3.0	5.0	5.9
8	2256201161375	Trần Tấn Phát	05/12/2006				8	7.0	6.0	6.7		4.5		5.4
9	2256201161376	Trần Tấn Phát	09/11/2007				8	7.0	6.0	6.7		7.5		7.2
10	2256201161377	Trần Hoàng Phúc	09/06/2007				8	7.0	7.0	6.4		6.0		6.4
11	2256201161378	Bùi Hồng Phước	28/08/2006				6	6.0	6.0	6.7		3.5	5.0	5.5
12	2256201161379	Nguyễn Chí Thành	30/11/2007				7	6.0	6.0	7.0		4.5		5.3
13	2256201161380	Nguyễn Phú Thành	11/07/2007				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
14	2256201161381	Đỗ Thành Thông	10/09/2007				10	8.0	7.0	6.9		5.5		6.4
15	2256201161382	Phan Văn Thủ	07/03/2007				10	8.0	7.0	7.3		5.0		6.1
16	2256201161383	Nguyễn Chí Tình	05/12/2007				10	8.0	8.0	6.1		5.0		6.1
17	2256201161384	Phạm Thùy Trang	19/03/2007				6	6.0	6.0	6.6		6.0		6.1
18	2256201161385	Trần Diễm Trang	19/04/2007				8	7.0	6.0	6.7		6.5		6.6
19	2256201161386	Nguyễn Thành Trung	26/08/2007				8	7.0	8.0	7.0		4.0		5.4
20	2256201161387	Phùng Văn Tú	31/03/2007				7	6.0	6.0	6.4		6.5		6.4
21	2256201161388	Bùi Phú Tường	28/08/2006				8	7.0	7.0	7.0		4.5		5.6

Châu Đốc, ngày 15 tháng 3 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Tiến Đạt